

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc  
thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 80/TTr-STP ngày 14/10/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục gồm **202** thủ tục hành chính chuẩn hóa (cấp tỉnh: 127, cấp huyện: 33, cấp xã: 42) thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qpl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, nghiên cứu thực hiện.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm

- Bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>) và Trang thông tin điện tử của đơn vị; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để đăng tải, công khai, niêm yết, cập nhật dữ liệu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có thay đổi) theo đúng quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo bộ phận có liên quan phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật đầy đủ danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo công khai, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây về công bố, chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, VNPT Quảng Nam;
- Trung tâm QTI;
- Bộ phận Một cửa cấp huyện;
- CPVP;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NCKS.

I:\Dropbox\CÔNG2024\QĐ CHUẨN HÓA\TNMT\216-QĐ-CH-TNMT24.docx

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc/ ngày)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (127)</b>									
<b>1. Lĩnh vực nuôi con nuôi (5)</b>									
1.1	1003976.000.00.00.H47	Giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến <i>những người liên quan</i>: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> </ul>	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.</li> <li>Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp;</li> </ul>	<b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b>  Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về việc phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực nuôi con nuôi, lĩnh vực quản lý về hội, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại,

			<p>- Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ</p>			<p>ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chi phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.</p> <p>- Mức thu lệ phí và chi phí:</p> <p>+) Lệ phí : 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai</p>	<p>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	<p>giám định tư pháp, đấu giá, trợ giúp pháp lý</p>
--	--	--	---	--	--	---	---	---

		<p>em).</p> <p>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong</p>			<p>trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>+) Chi phí: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.</p> <p>- Thời điểm nộp lệ phí và chi phí:</p> <p>+) Đối với lệ phí: Người nước ngoài thường trú</p>	
--	--	---	--	--	---	--

		<p><i>trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.</i></p> <p><i>- Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý.</i></p> <p><i>- Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày</i></p>			<p>ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>+) Đối với chi phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài,</p>	
--	--	---	--	--	--	--

		<p>nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để</p>			<p>người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em.</p>	
--	--	--	--	--	--	--

			trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.						
1.2	1004878.000.00.00.H47	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến <i>những người liên quan</i>, xác nhận <i>người được nhận làm con nuôi</i> đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- Đối với trường hợp <i>việc nuôi con nuôi có liên quan</i></li> </ul>	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>Lệ phí: + Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000 đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</li> <li>+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> </ul>	<p><b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>



		<p>tới những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam:</p> <p>Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam:</p> <p>+ Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo</p>			<p>được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p>	<p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
--	--	---	--	--	--	--	--

			<p>cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận <i>người được nhận làm con nuôi được nhập cảnh và thường trú tại nước đó.</i></p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người</p>						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày						
1.3	1.003160.000.00.00.H47	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> </ul>	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	<p><b><i>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</i></b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>

1.4	1.003179.000.00.00.H47	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	<p><b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>
1.5	2.002349.000.00.00.H47	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ</li> </ul>	

		cur trú ở khu vực biên giới làm con nuôi						trưởng Bộ Tư pháp.	
<b>2. Lĩnh vực luật sư (14)</b>									
2.1	1.002010.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul>	
2.2	1.002032.000.00.00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul>	
2.3	1.002055.000.00.00.H47	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng	x	x	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP</li> </ul>	

		hạn một thành viên		Nam)				ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2.4	1.002079. 000.00.00 .H47	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	50.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2.5	1.002099. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	50.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2.6	1.002153. 000.00.00 .H47	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2.7	1.002181. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	2.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2.8	1.002198. 000.00.00 .H47	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	1.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2.9	1.002218. 000.00.00 .H47	Hợp nhất công ty luật	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>

2.10	1.002234. 000.00.00 .H47	Sáp nhập công ty luật	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2.11	1.008709. 000.00.00 .H47	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2.12	1.002398. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	50.000 đồng	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
2.13	1.002368. 000.00.00 .H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh,	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần	x	x	2.000.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20



		công ty luật nước ngoài		Quý Cấp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				tháng 11 năm 2012; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
2.14	1.002384.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cấp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	600.000 đồng	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
<b>3. Lĩnh vực công chứng (19)</b>									
3.1	1.001647.000.00.00.H47	Chuyên nhượng Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cấp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng	x	x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	<b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b>  Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-

			<p>lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p>	Nam)					UBND ngày 29/5/2023
3.2	1.001665.000.00.00.H47	Sáp nhập Văn phòng công chứng	<p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	<p><b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>

			phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.					
3.3	1.001071.000.00.00.H47	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	<p>- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>
3.4	1.001125.000.00.00.H47	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ Tổ chức hành nghề công chứng	- Trường hợp người tập sự tự liên hệ tập sự được với tổ chức hành nghề công chứng khác nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công (159b Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ)	x	x	Không quy định	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>

		này sang Tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	tập sự thì thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng; - Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.	kỳ, tỉnh Quảng Nam)					
3.5	1.001153.000.00.00.H47	Thay đổi nơi tập sự từ Tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang Tổ chức hành	- Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xoá đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự.	Trung tâm Phục vụ hành chính công (159b Trần Quý Cáp, thành phố Tam kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

		<p>nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác</p>	<p>- Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự:</p> <p>(i) Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(ii) Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>						
3.6	1.001438.000.00.00.H47	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp,	x	x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

				Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					
3.7	1.001446.000.00.00.H47	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	<p>- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
3.8	1.001721.000.00.00.H47	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Người	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp,	x	x	3.500.000 đồng/ hồ sơ	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC</p>	

			đăng ký về việc ghi tên người đó vào danh sách đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra kết quả tập sự	Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
3.9	1.001756.000.00.00.H47	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	100.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
3.10	1.001799.000.00.00.H47	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	100.000 đồng/hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
3.11	2.002387.000.00.00	Xóa đăng ký hành	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	x	x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;	

	.H47	nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng		hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
3.12	1.001877.000.00.00.H47	Thành lập Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	<b>Thẩm quyền của UBND tỉnh</b>  Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
3.13	2.000789.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;	



								- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3.14	2.000778.000.00.00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	- 500.000 đồng/hồ sơ đối với trường hợp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động khi thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng; - Không thu phí đối với trường hợp ghi nhận nội dung thay đổi đăng ký hoạt động khi thay đổi công chứng viên hợp danh hoặc	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

							công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.		
3.15	1.001688. 000.00.00 .H47	Hợp nhất Văn phòng công chứng	<p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	<p><b>Thẩm quyền của UBND tỉnh</b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>
3.16	2.000766. 000.00.00	Đăng ký hoạt động	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	x	x	1.000.000 đồng/hồ	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;	

	.H47	Văn phòng công chứng hợp nhất		hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)			sơ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
3.17	2.000758.000.00.00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	

3.18	2.000743.000.00.00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyên nhượng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
3.19	1.012019.000.00.00.H47	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng số 53/2014/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
<b>4. Lĩnh vực thừa phát lại (13)</b>									
4.1	1.008929.000.00.00.H47	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng	x	x	1.000.000 đ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP</li> </ul>	<b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b>  Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-

			<p>phòng Thừa phát lại;</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.</p>	Nam)				ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	UBND ngày 29/5/2023
4.2	1.008932.000.00.00.H47	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	<p><b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>

			trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại.						
4.3	1.008934.000.00.00.H47	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	<p><b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về việc phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực nuôi con nuôi, lĩnh vực quản lý về hội, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại, giám định tư pháp, đấu giá,</p>

									trợ giúp pháp lý
4.4	1.008936.000.00.00.H47	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại</p> <p>- <i>Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ tư pháp</i></p>	<p><b>Thẩm quyền của UBND tỉnh.</b></p> <p>Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về việc phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực nuôi, lĩnh vực quản lý về hội, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại, giám định tư pháp, đấu giá, trợ giúp pháp lý</p>
4.5	1.008925.000.00.00.H47	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ</p>	

				Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				Tư pháp.	
4.6	1.008926. 000.00.00 .H47	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
4.7	1.008927. 000.00.00 .H47	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
4.8	1.008928. 000.00.00 .H47	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
4.9	1.008930. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động Văn phòng	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP	



		Thừa phát lại		công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
4.10	1.008931.000.00.00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	- Đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các trường hợp thay đổi khác thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
4.11	1.008933.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

		lại		Quảng Nam)					
4.12	1.008935. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
4.13	1.008937. 000.00.00 .H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp..	
<b>5. Lĩnh vực quốc tịch (5)</b>									
5.1	2.002039. 000.00.00 .H47	Nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp tỉnh: 55 ngày, Trung ương: 60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		3.000.000 đồng/ trường hợp. - Các trường hợp miễn lệ phí: + Người có công lao đặc	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ	<i>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh (Chưa ủy quyền)</i>

						biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ	Tư pháp.	
--	--	--	--	--	--	---	----------	--

						quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó) + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.		
5.2	2.002038.000.00.00.H47	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp tỉnh: 35 ngày, Trung ương: 50 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	2.500.000 đồng/ trường hợp * Các trường hợp được miễn lệ phí: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	<i>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh (Chưa ủy quyền)</i>

						xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm		
--	--	--	--	--	--	--	--	--

							quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.		
5.3	2.002036.000.00.00.H47	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp tỉnh: 35 ngày, Trung ương: 40 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		2.500.000 đồng/trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ.</li> <li>- Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	<b>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh</b> (Chưa ủy quyền)
5.4	2.001895.000.00.00.H47	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	x		100.000 đồng/trường hợp. - Các	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ.</li> </ul>	

				(159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)		<p><i>trường hợp được miễn phí:</i></p> <p>+ Người di cư từ Lào được phép cư trú theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>+ Kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của</p>	<p>- Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
--	--	--	--	---	--	---	--	--

							Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	
5.5	1.005136.000.00.00.H47	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền - 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam; - 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		100.000 đồng/trường hợp. - Các trường hợp được miễn phí: + Người di cư từ Lào được phép cư trú theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. + Kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.



							đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.		
<b>6. Lĩnh vực giám định tư pháp (9)</b>									
6.1	1.001122.000.00.00.H47	Bổ nhiệm Giám định viên tư pháp	<p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	Luật giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	<p><b>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh</b></p> <p>Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh</p>

			viên tư pháp kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp thẻ giám định viên tư pháp.						
6.2	2.000894.000.00.00.H47	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;</li> </ul>	<p><b>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh</b></p> <p>Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh</p>
6.3	1.009832.000.00.00	Cấp lại thẻ giám định	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ	x	x	Không quy định	Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX	<b>Thẩm quyền của Chủ tịch</b>

	.H47	viên pháp tur	tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.  Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; <i>Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i>	<b>UBND tỉnh</b>  Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
6.4	2.000890.000.00.00.H47	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, thẩm định hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh D(159B Trần Quý Cáp, Tp.	x	x	Không quy định	- Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ.	<b>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh</b>  Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp

		<p>xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp, thống nhất ý kiến với người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.</p> <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp. Trường hợp không cho phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy</p>	Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					<p>Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh</p>
--	--	---	-------------------------------	--	--	--	--	--

			định của pháp luật.						
6.5	2.000823. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	
6.6	2.000568. 000.00.00 .H47	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Văn phòng giám định tư pháp xin thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, thẩm định, thống nhất ý kiến với người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;	<b>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh</b>  Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

			<p>định.</p> <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định. Trường hợp không cho phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>						
6.7	1.001216.000.00.00.H47	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	<p>Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Văn phòng giám định tư pháp, Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;</p>	<p><b>Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh</b></p> <p>Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh</p>

			Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp.						
6.8	2.000555.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;	

		pháp							
6.9	1.001117. 000.00.00 .H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	
<b>7. Lĩnh vực tư vấn pháp luật (6)</b>									
7.1	1.000627. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
7.2	1.000614. 000.00.00	Đăng ký hoạt động	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	x	x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn	



	.H47	cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật		hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
7.3	1.000426.000.00.00.H47	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2012 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	
7.4	1.000404.000.00.00.H47	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ	Trung tâm Phục vụ hành chính	x	x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn	

			sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010. - Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;	
7.5	1.000588.000.00.00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp. - <i>Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i>	
7.6	1.000390.000.00.00.H47	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010.	
<b>8. Lĩnh vực đấu giá tài sản (8)</b>									
8.1	2.001815.000.00.00.H47	Cấp Thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	x	x	Không quy định	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;	

				công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp.  - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
8.2	2.001807. 000.00.00 .H47	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
8.3	2.001395. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	1.000.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
8.4	2.001333. 000.00.00 .H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh	x	x	500.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP

				Quảng Nam)				ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
8.5	2.001258.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	500.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
8.6	2.001247.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
8.7	2.001225.000.00.00.H47	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.	

8.8	2.002139. 000.00.00 .H47	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	2.700.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
<b>9. Lĩnh vực quản lý, thanh lý tài sản (5)</b>								
9.1	1.002626. 000.00.00 .H47	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	500.000 đồng	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính,.
9.2	1.001842. 000.00.00 .H47	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	500.000 đồng	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
9.3	1.001633. 000.00.00 .H47	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	x	x	Không quy định	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

		của Quản tài viên		(159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					
9.4	1.001600.000.00.00.H47	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.	
9.5	1.008727.000.00.00.H47	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.	
<b>10. Lĩnh vực lý lịch tư pháp (3)</b>									

10.1	2.000488. 000.00.00 .H47	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp 200.000đ ông/lần/n người.</li> <li>- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12.</li> <li>+ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung năm 2023.</li> <li>+ Luật Cư trú số 68/2020/QH14.</li> <li>+ Luật Căn cước số 26/2023/QH15.</li> <li>+ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ.</li> <li>+ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>+ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.</li> <li>+ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.</li> <li>+ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp.</li> <li>+ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ</li> </ul>	
------	--------------------------------	--	---	--	---	---	--	--	--

						<p>cầu cấp Phiếu lý lich tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu lý lich tư pháp trong một lần yêu cầu, thì kê từ Phiếu thứ 3 trở đi tổ chức thu phí được thu thêm 5.000 đồng/Phi ếu để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lich tư pháp. * Trường hợp miễn phí + Trẻ em theo quy định tại Luật bảo</p>	<p>tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. + <i>Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i> + Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	
--	--	--	--	--	--	---	---	--



						<p>vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.</p> <p>+ Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi.</p> <p>+ Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật.</p> <p>+ Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Nghị định số 71/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 về quy định chuẩn nghèo đa chiều 2021-</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--

							2025. + Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.	
10.2	2.001417. 000.00.00 .H47	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	+ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12.  + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung năm 2023.  + Luật Cư trú số 68/2020/QH14.  + Luật Căn cước số 26/2023/QH15.  + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ.  + Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

		<p> cư trú ở Việt Nam)</p>	<p> nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.</p>					<p> ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>+ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.</p> <p>+ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.</p> <p>+ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p> <p>+ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp.</p> <p>+ Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>+ <i>Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i></p> <p>+ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng</p>
--	--	----------------------------	--	--	--	--	--	--

								Chính phủ.
10.3	2.000505.000.00.00.H47	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	+ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12. + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung năm 2023. + Luật Cư trú số 68/2020/QH14. + Luật Căn cước số 26/2023/QH15. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ. + Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ. + Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ. + Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm

								<p>sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p> <p>+ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp.</p> <p>+ Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>+ <i>Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i></p> <p>+ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
<b>11. Lĩnh vực hộ tịch (3)</b>								
11.1	2.000635.000.00.00.H47	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư</i></p>

								<p><i>pháp;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
11.2	1.008938.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ.
11.3	2.002516.000.00.00.H47	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></li> </ul>

								<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	
<b>12. Lĩnh vực trọng tài thương mại (6)</b>									
12.1	1.008889. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	1.500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</li> <li>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
12.2	1.008890. 000.00.00 .H47	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	x	x	1.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</li> <li>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP</li> </ul>	

		<p>Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</p>		(159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				<p>ngày 28/7/2011 của Chính phủ;  - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ;  - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.  - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
12.3	1.008904.000.00.00.H47	<p>Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam</p>	15 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)</p>	x	x	<p>- 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đổi với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài;  - 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đổi với thay</p>	<p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;  - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ;  - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ;  - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.  - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	



							đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
12.4	1.008905.000.00.00.H47	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</li> <li>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
12.5	1.008906.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	x		5.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</li> <li>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP</li> </ul>

		trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyên địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác		(159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
12.6	1.001248.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	<b><i>Phí thẩm định Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài:</i></b> <i>1.500.000</i>	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.	

		trọng tài nước ngoài tại Việt Nam				<p><i>đồng</i> <i>(Một triệu</i> <i>năm trăm</i> <i>nghìn</i> <i>đồng)</i></p> <p><b><i>Phí thẩm</i></b> <b><i>định Giấy</i></b> <b><i>đăng ký</i></b> <b><i>hoạt</i></b> <b><i>động của</i></b> <b><i>chi</i></b> <b><i>nhánh</i></b> <b><i>Trung</i></b> <b><i>tâm trọng</i></b> <b><i>tài:</i></b> <b><i>1.000.000</i></b> <b><i>(một triệu</i></b> <b><i>đồng)</i></b></p> <p><b><i>Phí thẩm</i></b> <b><i>định Giấy</i></b> <b><i>đăng ký</i></b> <b><i>hoạt</i></b> <b><i>động của</i></b> <b><i>chi</i></b> <b><i>nhánh</i></b> <b><i>của tổ</i></b> <b><i>chức</i></b> <b><i>trọng tài</i></b> <b><i>nước</i></b> <b><i>ngoài tại</i></b> <b><i>Việt</i></b></p>	- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
--	--	--	--	--	--	--	---	--

								<i>Nam:</i> 5.000.000 (năm triệu đồng)	
<b>13. Lĩnh vực hòa giải thương mại (7)</b>									
13.1	1.008913.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

		thuộc Trung ương khác							
13.2	1.008914.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
13.3	1.008915.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp..</li> </ul>	

		thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác							
13.4	2.000515.000.00.00.H47	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
13.5	2.002047.000.00.00	Thay đổi tên gọi	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	x	x	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về	

	.H47	trong giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại		hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				hòa giải thương mại.	
13.6	1.008916.000.00.00.H47	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
13.7	2.001716.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
<b>14. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý (12)</b>									

14.1	2.000977. 000.00.00 .H47	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	<p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Trung tâm có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm, <i>trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được</i></p>	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	<p>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
------	--------------------------------	---	--	--	---	--	----------------	---	--



			<i>thông báo.</i>					
14.2	2.000970. 000.00.00 .H47	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	<p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá tổ chức phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các tổ chức đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp, <i>trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá</i></p>	Sở Tư pháp (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	<p>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp..</p>

			<i>15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.</i>						
14.3	2.000954. 000.00.00 .H47	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.	
14.4	2.000840. 000.00.00 .H47	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
14.5	2.000829. 000.00.00 .H47	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm; tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ	

				giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.				trưởng Bộ Tư pháp ban hành. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
14.6	2.000587.000.00.00.H47	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
14.7	2.000518.000.00.00.H47	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội	

								<p>dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.</p> <p>- Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</p>	
14.8	2.000596. 000.00.00 .H47	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		Không quy định	<p>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.</p> <p>- Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
14.9	1.001233. 000.00.00 .H47	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	<p>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	

								- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.	
14.10	2.000592. 000.00.00 .H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại. - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	- Người đứng đầu của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý. - Giám đốc Sở Tư pháp	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
14.11	2.001680. 000.00.00 .H47	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm. tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội	

				ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.				dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
14.12	2.001687.000.00.00.H47	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, Chi nhánh của Trung tâm, tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	x		Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
<b>15. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (3)</b>									
15.1	2.002193.000.00.00.H47	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố	x		Không quy định	- Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện	

		thường		Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.	
15.2	2.002192. 000.00.00 .H47	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	- Tiếp nhận hồ sơ: 12 ngày làm việc - Thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý: 02 ngày làm việc - Cử người giải quyết bồi thường: 02 ngày làm việc - Tạm ứng kinh phí: 07 ngày làm việc - Xác minh thiệt hại: 15 đến 45 ngày Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh.	x		Không quy định	- Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.	

			<p>thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường.</p> <p>+ Thời gian thương lượng: 25 ngày</p> <p>- Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản</p>					
15.3	2.002191.000.00.00.H47	Thủ tục phục hồi danh dự	<p>15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.</p>	<p>Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh.</p>	x		<p>Không quy định</p>	<p>- Luật TNBTCNN năm 2017 ;</p> <p>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN;</p> <p>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.</p>
<b>16. Lĩnh vực biện pháp bảo đảm (5)</b>								



16.1	1.011441.000.00.00.H47	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	<p>- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời</p>	<p>Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai); Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ</p>	x	<p>80.000 đồng/hồ sơ</p> <p>- Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn: + Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để</p>	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	
------	------------------------	--	--	---	---	--	---	--

		<p>điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy</p>	<p>hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>		<p>sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của</p>	
--	--	---	---	--	--	--

			định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.				đăng ký viên. + Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.	
16.2	1.011442.000.00.00.H47	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai); Trường hợp hồ sơ đăng	x		60.000 đồng/hồ sơ - Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

		<p>ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng</p>	<p>ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>		<p>sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn:</p> <p>+ Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về sách tín dụng</p>	
--	--	---	---	--	---	--

		<p>lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>			<p>phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên.</p> <p>+ Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc</p>	
--	--	--	--	--	---	--

							kê biên.	
16.3	1.011443. 000.00.00 .H47	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	<p>- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì</p>	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai); Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính,	x		<p>20.000 đồng/hồ sơ</p> <p>- Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn: + Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ</p>	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>

		<p>thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>		<p>chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê</p>	
--	--	--	---	--	--	--

			quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP				tài chính do lỗi của đăng ký viên. + Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.	
16.4	1.011444.000.00.00.H47	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai);			70.000 đồng/hồ sơ - Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh



		<p>hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ</p>	<p>Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>		<p>việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn:</p> <p>+ Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính</p>	
--	--	---	---	--	--	--

		<p>thông đăng ký trực tuyến, hồng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>			<p>sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên.</p> <p>+ Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án,</p>	
--	--	--	--	--	--	--

							xóa thông báo việc kê biên.	
16.5	1.011445.000.00.00.H47	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai); Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm	x		80.000 đồng/hồ sơ - Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm. - Trường hợp miễn: + Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

		<p>nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-</p>	<p>Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>		<p>đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm,</p>	
--	--	---	---	--	---	--

			CP. + Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.				hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên. + Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.	
<b>17. Lĩnh vực chứng thực (4)</b>								
17.1	<b>2.000815.</b> 000.00.00 .H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	x		2.000đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp

		nhận	<p>chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>			<p>đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<p>bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>	
--	--	------	--	--	--	---	---	--

17.2	<b>2.000843.</b> 000.00.00 .H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	x		2.000đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</li> </ul>	
------	---------------------------------------	--	--	--	---	--	---	--	--

			làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.						
17.3	<b>2.000884.</b> 000.00.00 .H47	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	x		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</li> </ul>	



			không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.							
17.4	2.000908.000.00.00.H47	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	x		Không quy định	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.		
<b>TỔNG CỘNG I</b>			<b>127</b>							
<b>II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (33)</b>										
<b>1. Lĩnh vực hộ tịch (17)</b>										
1.1	2.000528.	Đăng ký	Ngay trong ngày	Bộ phận	x	x	75.000	- Luật Hộ tịch năm 2014;		

	000.00.00 .H47	khai sinh có yếu tố nước ngoài	tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền		đồng/ trường hợp. <b>Thực hiện trực tuyến là:0</b> đồng. Miễn lệ phí đối với: Trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế -	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
--	-------------------	--------------------------------------	---	---	--	---	--	--

							<p>xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	
1.2	2.000806.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	<p>1.500.000 đồng/trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến là:</b> 0 đồng. Miễn lệ phí đối với: Hộ</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p>

							<p>nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.3	1.001669.000.00.00.H47	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03	Bộ phận một cửa/Trung	x	x	75.000 đồng/trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul>	

		ngoài	ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền		<p>hợp.</p> <p><b>Thực hiện trực tuyến:</b> 0 đồng.</p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</p>	<p>15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
--	--	-------	--	--	--	---	--	--

							đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.		
1.4	2.000756.000.00.00.H47	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng/trường hợp. <b>Thực hiện trực tuyến 0 đồng.</b> Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</li> </ul>	

							sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	
1.5	2.000779.000.00.00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	1.500.000 đồng/trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến:</b> 0 đồng. Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày	

						<p>người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/</p>	<p>29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--	--



							TT-BTC ngày 14/11/201 6 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.		
1.6	1.001695. 000.00.00 .H47	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện	x	x	- Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/trườ ng hợp - Đăng ký nhận cha,	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;	

				<p>có thẩm quyền</p>	<p>mẹ, con: 1.500.000 đồng/đồng/trường hợp</p> <p><b>Đăng ký trực tuyến</b></p> <p><b>thì: 0 đồng</b></p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
--	--	--	--	----------------------	---	--	--

							điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi		
							- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.		
1.7	2.000748.000.00.00.H47	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch,	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc <b>bổ sung thông tin hộ tịch</b> , trường hợp nhận hồ sơ sau	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công	x	x	30.000 đồng/trường hợp. <b>Đăng ký</b>	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;	

		<p>xác định lại dân tộc</p> <p>15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc <b>thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc</b>. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>	<p>của UBND cấp huyện có thẩm quyền</p>			<p><b>trực tuyến:</b> 0 đồng.</p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc</p>	<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
--	--	---	---	--	--	--	---	--

							thiếu số ở các huyện miền núi	
1.8	2.000547.000.00.00.H47	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ, nhận cha, mẹ, con, xác định cha, mẹ, con, nuôi con nuôi, khai tử, thay đổi hộ tịch).	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng /trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến:</b> 0 đồng. Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã,	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng

							thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp
1.9	2.002189.000.00.00.H47	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng /trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến: 0 đồng.</b> Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND

							người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	
1.10	2.000554.000.00.00.H47	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng /trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến: 0 đồng.</b> Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i>	

							<p>công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.11	1.001766.000.00.00.H47	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng/trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến: 0 đồng.</b> Miễn lệ phí đối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP</li> </ul>	



			thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.				<p>với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.  - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;  - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;  - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
1.12	2.000522.000.00.00	Đăng ký lại khai sinh có	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có	Bộ phận một	x	x	75.000 đồng/	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</p>	

	.H47	yếu tố nước ngoài	văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền		<p>trường hợp</p> <p><b>Đối với đăng ký trực tuyến: 0 đồng</b></p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc</p>	<p>15/11/2015 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
--	------	-------------------	---	--	--	---	---	--

							biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi		
1.13	2.000513.000.00.00.H47	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	1.500.000 đồng/trường hợp <b>Đối với đăng ký trực tuyến: 0 đồng</b> Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;	

							người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp
1.14	2.000497.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng/trường hợp <b>Đối với đăng ký trực tuyến 0 đồng</b>  Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;

							<p>mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.15	1.000893.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	<p>75.000 đồng/trường hợp</p> <p><b>Đối với đăng ký trực tuyến 0 đồng</b></p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP</li> </ul>	

							em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	
1.16	2.000635.000.00.00.H47	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ	Bộ phận một cửa/Trung	x	x	8.000 đồng/bản sao Trích	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;	

			sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền			lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</i></li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	
1.17	2.002516.000.00.00.H47	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul>	

								<p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</p>	
<b>2. Lĩnh vực chứng thực (12)</b>									
2.1	2.000908. 000.00.00 .H47	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Cơ quan lưu giữ sổ gốc	x	x	Không quy định	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
2.2	2.000815. 000.00.00 .H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	<p>- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;</p> <p>- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực</p>	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</p> <p>- Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>	



			<p>hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</p> <p>- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>				chính.		
2.3	2.000843.000.00.00.H47	<p>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài. cơ quan, tổ</p>	<p>- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;</p> <p>- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều</p>	<p>Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền</p>	x		<p>2.000 đồng/ trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp</p>	

		<p>chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.</p>	<p>trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</p> <p>- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>				<p>đồng/bản.</p> <p>- Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<p>bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>	
2.4	2.000884.000.00.00.H47	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành	x		- 10.000 đồng/trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp	

		bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điếm chỉ được)	- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền			(trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.5	2.000992.000.00.00.H47	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định (thỏa thuận bằng văn bản) thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		- 10.000 đồng/ trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.6	2.001008.000.00.00.H47	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND	x		- 10.000 đồng/ trường hợp (trường hợp được	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP	

		tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định (thỏa thuận bằng văn bản) thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	cấp huyện có thẩm quyền			tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.7	2.000913.000.00.00.H47	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.8	2.000927.000.00.00.H47	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ	

			(giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.9	2.000942.000.00.00.H47	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;</li> <li>- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</li> </ul>	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2.000 đồng/ trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</li> <li>- Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</li> </ul>	
2.10	2.001044.000.00.00.H47	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</li> <li>- Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ</li> </ul>	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch</li> <li>- Miễn phí đối với trường hợp: Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</li> </ul>	

			phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.				dụng để phục vụ phát triển nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản	
2.11	2.001050.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND	x		50.000 đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP

		sản	thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người	cấp huyện có thẩm quyền				ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.12	2.001052.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		50.000 đồng/ văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
<b>3. Lĩnh vực hòa giải cơ sở (1)</b>									
3.1	2.000979.000.00.00.H47	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai	- Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công	x		Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.	

		nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện.	của UBND cấp huyện có thẩm quyền					
<b>4. Lĩnh vực nuôi con nuôi (1)</b>									
4.1	2.002363.000.00.00.H47	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	



						<p>người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;          người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;          đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài</p>	<p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>
--	--	--	--	--	--	--	--

							(nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
<b>4. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (2)</b>								
4.1	2.002190.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận hồ sơ: 12 ngày</li> <li>- Thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý: 02 ngày làm việc</li> <li>- Cử người giải quyết bồi thường: 02 ngày làm việc.</li> <li>- Tạm ứng kinh phí bồi thường: 14 ngày</li> <li>- Xác minh thiệt hại: 15 ngày.</li> </ul> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại</p>	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện	x		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật TNBTCNN năm 2017 ;</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN;</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.</li> </ul>

		<p>là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

			theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.						
4.2	1.005462.000.00.00.H47	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện	x		Không quy định	- Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.	
<b>TỔNG CỘNG II</b>				<b>33</b>					

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (42)									
1. Lĩnh vực hộ tịch (21)									
1.1	1.001193.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày</li> </ul>	

							<p>công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
1.2	1.000894.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP</li> </ul>	

								<p>ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.3	1.001022.000.00.00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	15.000 đồng/trường hợp	<p><b>Đối với đăng ký trực tuyến: Không</b></p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul>

							<p>khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.4	2.000635.000.00.00.H47	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ ;</li> </ul>	



			làm việc tiếp theo.					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	
1.5	1.004873.000.00.00.H47	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/ trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến: Không.</b> Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul>	

							<p>công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.6	1.000689.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đăng ký khai sinh: 10.000 đồng/ trường hợp</li> <li>- Lệ phí đăng ký nhận cha,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày</li> </ul>	

						<p>me, con: 15.000 đồng/ trường hợp</p> <p><b>Đối với đăng ký trực tuyển: Không</b></p> <p>Miễn lệ phí hộ tịch đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký khai sinh đúng hạn;</li> <li>- Trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi;</li> <li>người khuyết tật;</li> <li>người có công với cách mạng và thân nhân</li> <li>người có công theo Pháp lệnh ưu đãi</li> <li>người có công với cách mạng;</li> <li>người dân</li> </ul>	<p>28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh; - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyển thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
--	--	--	--	--	--	---	---	--

							sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	
1.7	1.000656.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/trường hợp <b>Đối với đăng ký trực tuyến: Không.</b> Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

							<p>công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p>	<p>29/11/2019 của Bộ Tài chính;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;  - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;  - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;  - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
1.8	1.000110.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/trường hợp	<p><b>Đối với đăng ký trực tuyến:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày</li> </ul>	

						<p>Không.</p> <p>Miễn lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký khai sinh đúng hạn</li> <li>- Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi;</li> <li>người khuyết tật;</li> <li>người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;</li> <li>người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</li> </ul>	<p>28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
--	--	--	--	--	--	--	---	--

							đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	
1.9	1.000094.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> </ul>

								- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp		
1.10	1.000080.000.00.00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	07 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	15.000 đồng/trường hợp	<b>Đối với đăng ký trực tuyến: Không</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND</li> </ul>	



							<p>cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh; - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTTC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
1.11	1.004827.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	<p>10.000 đồng/ trường hợp</p> <p><b>Đối với đăng ký trực tuyến: Không.</b></p> <p>Miễn lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký khai tử đúng hạn;</li> <li>- Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul>	

							<p>người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.12	1.004837.000.00.00.H47	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	<p>Miễn lệ phí.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Luật dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày</li> </ul>	

								<p>28/7/2020 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.13	1.004845.000.00.00.H47	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Luật dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul>	

								<p>15/11/2015 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.14	1.004859.000.00.00.H47	Thay đổi, cải chính, bổ sung	03 ngày làm việc đối với yêu cầu <b>thay đổi, cải chính</b>	Bộ phận một cửa của UBND cấp	x	x	15.000 đồng/	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> </ul>	

		thông tin hộ tịch	<p><b>hộ tịch</b>; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu <b>bổ sung thông tin hộ tịch</b>, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	xã		<p>trường hợp</p> <p><b>Đối với đăng ký trực tuyến:</b> <b>Không.</b></p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện</p>	<p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
--	--	-------------------	---	----	--	---	--	--

							kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	
1.15	1.004884.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến: Không.</b>  Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND</li> </ul>

							<p>người có công với cách mạng;          người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;          đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;          - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;          - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
1.16	1.004746.000.00.00.H47	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	<p>30.000 đồng/trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến:</b>          Không.</p> <p>Miễn lệ phí đối với: hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình;          - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;          - Luật Hộ tịch năm 2014;          - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;          - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;          - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;          - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;          - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;          - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p>	

							<p>công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</li> </ul>	
1.17	1.004772.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến:</b> Không. Miễn lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày</li> </ul>	



						<p>phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;  - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;  - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;  - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;  - Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;  - Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	
--	--	--	--	--	--	--	--	--

1.18	1.005461.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/ trường hợp. <b>Đối với đăng ký trực tuyến:</b> Không  Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 184/QĐ-STP ngày 30/7/2024 công bố Danh mục TTHC có mức thu lệ phí không đồng đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở</li> </ul>	
------	------------------------	---------------------	---	---------------------------------	---	---	---	--	--

							kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	Tư pháp	
1.19	1.003583.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	x		10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai sinh đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;	

							<p>cách mạng;          người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;          đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;</li> </ul>	
1.20	1.000593.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	x		<p>Miễn lệ phí</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC</li> </ul>	

							ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
1.21	1.000419.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	x	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	

							mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi		
<b>2. Lĩnh vực chứng thực (11)</b>									
2.1	2.000908. 000.00.00 .H47	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Cơ quan lưu giữ sổ gốc	x	x	Không quy định	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
2.2	2.000942. 000.00.00 .H47	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu	Bộ phận một cửa cấp xã	x		2.000 đồng/ trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/tran g, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tu pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	

			câu chứng thực.				- Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	
2.3	2.000815.000.00.00.H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	<p>- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;</p> <p>- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với</p>	Bộ phận một cửa cấp xã	x		<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</p> <p>- Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>

			<p>người yêu cầu chứng thực.</p> <p>- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>					
2.4	2.000884.000.00.00.H47	<p>Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)</p>	<p>- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;</p> <p>- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	Bộ phận một cửa cấp xã	x		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>
2.5	2.001035.000.00.00.H47	<p>Chứng thực hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ</p>	Bộ phận một cửa cấp xã	x		50.000 đồng/giao dịch,	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng</p>



		<p>liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở</p>	<p>sơ yếu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (ngày, giờ) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực</p>			<p>hợp đồng. Miễn lệ phí đối với các trường hợp: cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn không phải nộp</p>	<p>thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.          Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.          - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>	
--	--	--	--	--	--	--	---	--

							phí chứng thực hợp đồng thể chấp tài sản	
2.6	2.001019.000.00.00.H47	Chứng thực di chúc	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. (Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực).	Bộ phận một cửa cấp xã	x		50.000 đồng/di chúc	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực
2.7	2.001016.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. (Trường hợp kéo dài thời hạn giải	Bộ phận một cửa cấp xã	x		50.000 đồng/ văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

			quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực).					chứng thực	
2.8	2.001406.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. (Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực).	Bộ phận một cửa cấp xã	x		50.000 đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.9	2.001009.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa cấp xã	x		50.000 đồng/ văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày	

			(Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực).					16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.10	2.000913.000.00.00.H47	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa cấp xã	x		30.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	
2.11	2.000927.000.00.00.H47	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa cấp xã	x		25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	

3. Lĩnh vực nuôi con nuôi (3)								
3.1	2.001263. 000.00.00 .H47	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 400.000đ/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>	

							HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	
3.2	1.003005.000.00.00.H47	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	30 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		4.500.000 đồng/trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;</li> </ul>

								- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3.3	2.001255.000.00.00.H47	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp xã	x	x	Không quy định	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
<b>4. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (1)</b>								
4.1	2.002165.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	- Tiếp nhận hồ sơ: 12 ngày - Thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý: 02 ngày làm việc - Cử người giải quyết bồi thường: 02 ngày làm việc. - Tạm ứng kinh phí bồi thường: 14 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		Không quy định	- Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.

		<p>- Xác minh thiệt hại: 15 ngày. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được</p>						
--	--	---	--	--	--	--	--	--



			<p>hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>						
<b>5. Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật (2)</b>									
5.1	2.001457.000.00.00.H47	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	15 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		Không quy định	<p>- Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012</p> <p>- Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật</p>	

								- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật	
5.2	2.001449. 000.00.00 .H47	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	15 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		Không quy định	- Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 - Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật	
<b>6. Lĩnh vực hòa giải cơ sở (4)</b>									
6.1	2.000373. 000.00.00 .H47	Thủ tục công nhận hòa giải viên	15 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.	
6.2	2.000333. 000.00.00 .H47	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	15 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.	
6.3	2.000930. 000.00.00 .H47	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	15 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.	

6.4	2.002080. 000.00.00 .H47	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	15 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x		Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ	
<b>TỔNG CỘNG III</b>		<b>42</b>							
<b>TỔNG CỘNG I+II+III</b>		<b>202 TTHC</b>							